

Tin Anh chuyển cho :
MRS KHUC MINH THO
President families of VN Politics
Prisoner.
PO BOX 5435. Arlington str VA 2'

EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM
-----000-----

I/ BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM :

1. Full name of ex political prisoner : LE DINH DI
2. Date/Place of birth : April 14th 1950 in HUE
3. Position rank (before April 1975) and military number :
Forest produce controlling section chief, Service of Waters
and Forests. BINH TUY province.
4. Month, date, year arrested : May 1978
5. Month, date, year out of camp : October 1978
6. Photocopy of release certificate : I've lost my release certificate
7. Present mailing address of ex-prisoner : LE DINH DI, c/o
NGUYEN THI HAO, 59/1b/1 Phan viet Chanh str, 1st district,
Ho Chi Minh city VIETNAM.
8. Current address : Nhi-Xuan state run farm, Hoc-Mon district
HCM city VIETNAM.

II/LIST OF FULL NAME, DATE AND PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER

1. Full name of ex-political prisoner : LE DINH DI
2. Date/Place of birth : April 14th 1950 in HUE

A/ RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRISONER TO BE
CONSISTED FOR US. COUNTRY :

Name	:	Date of birth	:	Place of birth	:	sex	:	MS	:	Relationship
PHAN THI MI SA	:	April 15th 1957	:	Thuy An village	:	F	:	M	:	Wife
LE PHAN TAT DAT	:	October 3rd 1985	:	Tan-Binh district	:	M	:	S	:	Son
	:		:	HO CHI MINH city	:		:		:	

B/ COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) of EX-POLITICAL PRISONER :

1. Father : LE DINH AN (living) 4a/20 Tinh Tam, HUE
2. Mother : CHAU THI LAN (dead) -id-
3. Spouse : PHAN THI MI SA, quarters II, XuanPhu ward, HUE
4. Children : LE PHAN TAT DAT -id-
5. Sibling : LE THI MUNG 25 Bui thi Xuan, HUE
: LE THI VUI 4a/20 Tinh Tam, HUE
: LE DINH CHI -id-
: LE DINH TUONG E 8 Bac Hai block of flats, HCM city.

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

-----oOo-----

I/ BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM :

1. Full name of ex political prisoner : LE DINH DI
2. Date/Place of birth : April 14th 1950 in HUE
3. Position rank (before April 1975) and military number :
Forest produce controlling section chief, Service of Waters
and Forests. BINH TUY province.
4. Month, date, year arrested : May 1978
5. Month, date, year out of camp : October 1978
6. Photocopy of release certificate : I've lost my release certificate
7. Present mailing address of ex-prisoner : LE DINH DI, c/o
NGUYEN THI HAO, 59/1b/1 Phan viet Chanh str, 1st district,
Ho Chi Minh city VIETNAM.
8. Current address : Nhi-Xuan state run farm, Hoc-Mon district
HCM city VIETNAM.

II/LIST OF FULL NAME, DATE AND PLACE OF BIRTH OF EX-POLITICAL PRISONER

1. Full name of ex-political prisoner : LE DINH DI
2. Date/Place of birth : April 14th 1950 in HUE

A/ RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRISONER TO BE CONSISTED FOR US. COUNTRY :

Name	: Date of birth	: Place of birth	: sex	: MS	: Relationship
PHAM THI MI SA	: April 15th 1957	: Thuy An village	: F	: M	: Wife
LE PHAN TAT DAT	: October 3rd 1985	: Tan-Binh district	: M	: S	: Son
		HO CHI MINH city			

B/ COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) of EX-POLITICAL PRISONER :

1. Father : LE DINH AN (living) 4a/20 Tinh Tam, HUE
2. Mother : CHAU THI LAN (dead) -id-
3. Spouse : PHAN THI MI SA, quarters II, XuanPhu ward, HUE
4. Children : LE PHAN TAT DAT -id-
5. Sibling : LE THI MUNG 25 Bui thi Xuan, HUE
: LE THI VUI 4a/20 Tinh Tam, HUE
: LE DINH CHI -id-
: LE DINH TUONG E⁸ Bac Hai block of flats, HCM city.

: LE DINH DUYET 52 Phan chu Trinh, Hoi an Quang Nam Province
: LE DINH DIEM 4a/20 Tinh Tam, HUE
: LE DINH UNG -1d-

III/RELATIVES OUTSIDE OF VIETNAM :

A/Closest relatives in US :

a. Name :
b. Relationship :
c. Address :

B/Closest relatives in other foreign countries :

a. Name :
b. Relationship :
c. Address :

IV/ HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW

YES : NO : X

THESE APPLICATION HAVE REPLY FROM BANGKOK ODP RELATION TO THE ODP BANGKOK

YES : NO : X

V/ COMMENT/ REMARKS :

1. I've lost my release certificate so I enclosed here the interrogation and investigation sheet of my brother's life story in Thuan Loc, HUE. The part I of the sheet says that I took part in the Anti Revolution Organization, tried to escape from VietNam and was put in prison in Thuan Hai Province
2. It has been too hard for me to ask for a permanent household. At the time being, I just have a provisional residence at Nhi Xuan state-run farm, Hoc Mon district, HCM city.
3. From 1969 to 1973 : studied at the Saigon National Institute of Agriculture and got the degree of " ENGINEER OF WATERS AND FORESTS "
From november 1973 to february 1974: worked for the Service of Land and Fields, Ba Xuyen Province.
From february 1974 to may 1974 : was transferred to the General office of Land and Fields and then to the Saigon office of waters and forests.
From may 1974 to April 30th 1975 : worked for the Service of Waters and Forests, Binh Tuy Province.
4. I have had too many difficulties because of political reasons. My family can't live under the same roof and is really in great

danger. For the reasons mentioned above, I'd appreciate it very much if you could help us settle in the United States as soon as possible through the humanitarian act of the American Government.

VI/LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

1. A photocopy of the Service Order Number 376/BCN/HCTC2/SVL which shows that I was an official of the former regime.
2. A photocopy of the Civil right restoration decision signed in april 1976 by the revolutionary popular committee, Tan an village, Ham Tan district.
3. A photocopy of the interrogation and investigation sheet of my brother's life story.

Signature :

Date : July, 24th. 1988



Lê Đình Di

NGUYỄN KHẮC CHÍNH

SUISSE

- Kares
- 5 Months
- mới giã ra trại

ĐI
27 1988



MRS. KHUC MINH THO

President families of VN Political Prisoners

P.O BOX 5435

Arlington Str

VA 22205

USA

3

QUỐC ANH - NÔNG

LƯU - VU - L E N H

Chiếu Sắc-lệnh số 382a/TT/SL ngày 23-8-1969 chỉ
định Đại-Tướng Trần-Thiện-Khiêm làm Thủ-Tướng;

Chiếu Sắc-lệnh số 130-TT/SL ngày 18-2-1974 ấn-
định thành phần Chánh-Phủ;

Chiếu Sắc-lệnh số 033-SL/CCĐĐPTNNM ngày 17-3-1972
tổ-chức Bộ Cải-Cách Điền-Địa và Phát-Triển Nông-Ngư-Mục;

Chiếu Sắc-lệnh số 955-TT/SL ngày 23-10-1973 cải-
đanb Bộ Phát-Triển Nông-Nghiệp và Điền-Địa thành Bộ Canh-
Nông;

Chiếu Nghị-định số 136-CCĐĐNNM/HCTC.4/ND ngày
7-2-73 tổ-chức Tổng Nha Nông-Nghiệp;

Theo đề-nghị của Tổng Giám-Đốc Nông-Nghiệp;

Chiếu nhu-cầu công-vụ,

Nay phân-phối 24 Kỹ-Sư Thủy-Lâm, nhân-viên phụ-
động đồng-hóa chỉ số, hiện từng sự tại Nha Thủy-Lâm, đi
tiếp-tục công-vụ tại các nhiệm sở sau đây :

Số thứ tự	Họ và tên	Nhiệm sở
1	HOÀNG-DUY-HIỆU	Ty TL. Quảng-Nam
2	NGUYỄN-TRỌNG-HIỆP	Saigon - Gia Định
3	SỬ-CHẤN-CƯỜNG	Định-Tường
4	ĐẶNG-VĂN-TOÀN	Huế
5	HOÀNG-ĐỨC-LUNG	Darlac
6	NGUYỄN-ĐÓN-LỢI	Đù-Năng
7	LÊ-HẠNH-ĐỨC	Quảng-Trị
8	NGUYỄN-KIM-TỐT	Quảng-Tin
9	TRẦN-VĂN-TÙNG	Vũng-Tàu
10	HOÀNG-GIA-PHÚC	Quảng-Trị

11	LÂM-ĐẮC-THẮNG	: Ty TL. Lâm-Đồng
12	LƯƠNG-VĂN-ĐỒNG	: - Kontum
13	: NGUYỄN-HỮU-HẢI	: - Xuân-Lộc
14	? VŨ-ĐÌNH-THỰC	: - Quảng-Đức
15	: PHAN-TRỌNG-TÝ	: - Quảng-Ngũ
16	: NGUYỄN-VĂN-HIỆN	: - Bình-Thuận
17	: NGUYỄN-VĂN-LAI	: - An-Xuyên
18	: LÊ-ĐÌNH-DI	: - Bình-Tuy
19	: NGUYỄN-HỮU-THÀNH	: - Nha-Trang
20	: TRẦN-VĂN-CHÍNH	: Hạt TL. Kiềm-Tân
21	: TRẦN-CAO-THỦY	: Ty TL. Tuyên-Đức
22	: NGUYỄN-HỮU-TRỌNG	: Hạt TL. Ninh-Hòa
23	: TRẦN-ĐÌNH-ÚT	: Ty TL. Phú-Yên
24	? PHAN-VĂN-HẬU	: - Bình-Định

Tổng cộng 24 nhân-viên

Thuyên-chuyển vì nhu-cầu công-vụ, các đồng-sự được hưởng phụ cấp di chuyển và thay đổi cư trú theo thể lệ hiện hành ./.

K.S.U.C số 351-FTT/NSNV/KS.9

ngày 23-4-1974

Ký tên : ĐÈO-VĂN-HIỆU

Saigon, ngày 29 tháng 4 năm 1974

TỔNG-TRƯỞNG CANH-NÔNG,

Ký tên : TÔN-THẮT-TRÌNH

PHÓ - BẢN

CHÁNH-VĂN-PHÒNG

Ký tên : NGUYỄN-ĐÌNH-MÔ

BẢN - SAO

CHỦ-SỰ PHÒNG NHÂN-VIÊN NGOẠI-NGẠCH,

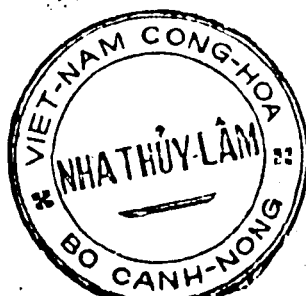
TRẦN-VĂN-GIÀU

(ấn ký)

SAO - Y

TL. GIÁM-ĐỐC NHÀ THỦY-LÂM

Chủ-Sự Phòng Điều-Hành,



NGUYỄN-MẠNH-DẦN